

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Yên
2. Ông Nguyễn Trần Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị G**, sinh ngày 01/01/1991. (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long.**

- Bị đơn: Anh **Sơn Bạch T**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **Ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Thạch Thị G** trình bày: Chị và anh **S** Bạch Trà

chung sống với nhau hơn 14 năm nay, trong quá trình chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ủy ban nhân dân N, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 03/01/2012. Sau khi kết hôn chị và anh S Bạch Trà sống hạnh phúc được một thời gian thì hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết và không thể sống chung được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Bạch T. Về con chung có ba người con chung là Sơn Thị Sô K, sinh ngày 09/07/2010, Sơn Sê H, sinh ngày 27/11/2013 và Sơn Thế H1, ngày 04/10/2017. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu anh Sơn Bạch T cấp dưỡng nuôi con, chị thống nhất giao cháu H và cháu H1 cho anh S Bạch Trà được trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sơn Bạch T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Thạch Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Sơn Bạch T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, tình trạng hôn nhân giữa chị Thạch Thị G và anh Sơn Bạch T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị G được ly hôn anh T. Về con chung có ba người con chung là Sơn Thị Sô K, sinh ngày 09/07/2010, Sơn Sê H, sinh ngày 27/11/2013 và Sơn Thế H1, ngày 04/10/2017. Sau khi ly hôn chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu K khi cha mẹ ly hôn muốn được sống chung với mẹ là chị Thạch Thị G, chị G thống nhất giao cháu H và cháu H1 cho anh S Bạch Trà được trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Sơn Thị Sô K cho chị Thạch Thị G được tiếp tục nuôi dưỡng, đồng thời giao hai cháu Sơn Sê H và Sơn Thế H1 cho anh Sơn Bạch T được tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do chị G tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung do chị Thạch Thị G không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh **Son Bạch T** có nơi cư trú tại **ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long** nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị **Thạch Thị G** có nội dung yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Thạch Thị G** có mặt, bị đơn anh **Son Bạch T** đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **Thạch Thị G**, Hội đồng xét xử thấy rằng chị **G** và anh **T** tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn đúng theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị **G** và anh **T** là hợp pháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống không hạnh phúc và hiện đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân chị **G** và anh **T** cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau và không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị **Thạch Thị G** về việc xin ly hôn anh **Son Bạch T**.

[5] Về con chung: Chị **Thạch Thị G** và anh **Son Bạch T** có ba con chung là **Son Thị Sô K**, sinh ngày 09/07/2010, **Son Sê H**, sinh ngày 27/11/2013 và **Son Thế H1**, ngày 04/10/2017, xét thấy từ khi chị **G** và anh **T** ly thân cho đến nay thì cháu **K** vẫn do chị **G** và cháu **H**, cháu **H1** vẫn do anh **T** trực tiếp chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần, trong quá trình giải quyết vụ án cháu **K** có nguyện vọng được sống với mẹ là chị **Thạch Thị G** nên căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **K** cho chị **G** tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu **H**, cháu **H1** cho anh **T** được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị **Thạch Thị G** tự nguyện không yêu cầu anh **Son Bạch T** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Thạch Thị G** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị **Thạch Thị G** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Thạch Thị G**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Thạch Thị G** được ly hôn anh **Sơn Bạch T**.

Về con chung: Chị **Thạch Thị G** được tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Sơn Thị Sô K**, sinh ngày 09/07/2010 (theo nguyện vọng của cháu **K**). Anh **Sơn Bạch T** được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là **Sơn Sê H**, sinh ngày 27/11/2013 và **Sơn Thế H1**, ngày 04/10/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Thạch Thị G** tự nguyện không yêu cầu anh **Sơn Bạch T** cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Chị **Thạch Thị G** và anh **Sơn Bạch T** được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cấm hay cản trở.

Vì lợi ích con chung, trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng, chị **Thạch Thị G** và anh **Sơn Bạch T** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị **Thạch Thị G** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **G** đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006033 ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Án sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 14 – Vĩnh Long;
- UBND xã Ngũ Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thảo

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Đông Võ Thành Nhân

Nguyễn Văn Thảo